

Số: /KH-UBND

Tháp Mười, ngày tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH

Quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2026

Căn cứ Chương trình hành động số 11-CTr/HU ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X;

Căn cứ Thông báo kết luận số 293-TB/HU ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tình hình kinh tế - xã hội quý I và nhiệm vụ, giải pháp quý II năm 2021; bố trí đất xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân Huyện; đề nghị khen cao và các kế hoạch của UBND huyện cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ huyện.

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch về quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2026, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp được tổ chức, sắp xếp lại, hạ tầng nông nghiệp được đầu tư nâng cấp, cơ giới hóa trong sản xuất được đẩy mạnh, từ đó năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nhiều loại nông sản được nâng cao, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất trồng trở nên tăng lên. Trong đó, nổi bật là các mô hình chuyển đổi cây trồng vật nuôi trên đất vườn tạp, đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao. Mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán đã góp phần tích cực trong quá trình thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhất là chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện nhiều mô hình điểm, mô hình khuyến nông tiên bộ để nhân rộng trong Nhân dân. Nông dân bước đầu hình thành thói quen sản xuất theo nhu cầu thị trường, có liên kết đầu vào đầu ra cho sản phẩm nông sản, như: Diện tích liên kết và tiêu thụ lúa cuối năm 2020 đạt 23.802,7 ha chiếm đạt 21,3% tổng diện tích xuống giống của năm. Việc sản xuất cây sen hiện nay không chỉ dừng lại ở bán sen tươi, mà chuyển dần sang sơ chế, chế biến để nâng cao giá trị của cây sen như: trà hoa sen, sữa sen, hạt sen sấy,... Đã hình thành 03 tổ hợp tác chăn nuôi vịt rọ tại các xã, thay đổi dần từ chăn nuôi chạy đồng sang chăn nuôi nhốt tại chỗ an toàn sinh học, chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô lớn, có tổ hợp tác được chứng nhận VietGAP và đã liên kết tiêu thụ trứng vịt với doanh nghiệp và được truy xuất

nguồn gốc. Người chăn nuôi ếch, cá sặc rằn cũng liên kết với nhau để sản xuất thông qua các tổ hợp tác, từ đó đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP.

Tuy nhiên, sản xuất theo quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm còn nhiều khó khăn như:

- Nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả nhưng không được duy trì nhân rộng. Nguyên nhân là do tác động của giá cả thị trường, thiên tai dịch bệnh liên tục xảy ra, mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp chưa được hài hòa về lợi ích nên thường xuyên phá vỡ hợp đồng.

- Chất lượng, khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất của nhiều loại nông sản còn thấp, hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân là do nông dân chưa mạnh dạn áp dụng các quy trình kỹ thuật theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất an toàn, chưa hình thành được các vùng chuyên canh có truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng để phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

- Đổi mới tổ chức sản xuất tuy đạt nhiều thành quả nhưng vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa lớn; các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất phát triển chậm, hiệu quả chưa ổn định. Kinh tế hợp tác chưa phát huy hết vai trò làm cầu nối giữa nông dân với nông dân và nông dân với doanh nghiệp.

- Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu bán ở dạng thô nên giá trị kinh tế chưa cao. Nguyên nhân là do chưa thu hút được nhiều công ty, doanh nghiệp tham gia chế biến các sản phẩm chủ lực của huyện, chưa tạo ra vùng nguyên liệu ổn định lâu dài cho các nhà đầu tư, sự liên kết hình thành vùng nguyên liệu phụ thuộc rất lớn đến nhận thức và trách nhiệm của người dân.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng mang tính tự phát gây khó khăn cho công tác quản lý. Người sản xuất chưa quan tâm đến xây dựng mã vùng trồng trong sản xuất.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển các ngành hàng chủ lực theo hướng ổn định, lâu dài với quy mô diện tích lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; tập trung chuyên canh trên cơ sở khai thác các lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và thị trường, hình thành chuỗi giá trị đối với sản phẩm từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ gắn với nhận diện và truy xuất được nguồn gốc các sản phẩm.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích; tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất, người tiêu dùng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Có ít nhất 06 ngành hàng có truy xuất được nguồn gốc gồm: lúa, ếch, cây sen, trứng vịt, cá sặc rằn, cây ăn trái.

- Diện tích liên kết trong sản xuất lúa đạt 30% tổng diện tích xuống giống.
- Tổng diện tích trồng sen đạt 1.000 ha. Trong đó, liên kết trồng và tiêu thụ đạt từ 10% tổng diện tích xuống giống.
- Tổng số lượng ếch thả nuôi đạt 50.000.000 con, sản lượng đạt trên 6.000 tấn. Trong đó, sản lượng liên kết và tiêu thụ với công ty, doanh nghiệp đạt 5% tổng sản lượng.
- Tổng diện tích nuôi cá sặc rằn đạt 250 ha, sản lượng trên 6.000 tấn. Trong đó, sản lượng liên kết và tiêu thụ với công ty, doanh nghiệp đạt 5% tổng sản lượng.
- Tổng đàn vịt đạt 500.000 con. Trong đó nuôi nhốt an toàn sinh học tại chỗ là 150.000 con, phân đầu liên kết tiêu thụ 60.000 trứng/ngày với công ty, doanh nghiệp thu mua chế biến.
- Tổng diện tích vườn cây ăn trái đến năm 2025 là 4.200 ha. Trong đó, ổn định diện tích trồng mít là 2.000 ha; có ít nhất 01 mô hình trồng mít theo tiêu chuẩn VietGAP.
- 100% ngành hàng đều có sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm và đạt từ 3 sao trở lên. Trong đó, có 01 sản phẩm đạt 5 sao.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về tuyên truyền

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức sâu rộng đến từng nông dân sản xuất nông nghiệp, thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán để từng bước làm thay đổi tư duy, nhận thức của các hội viên, thành viên, tạo sự đồng thuận và thông suốt trong cả hệ thống chính trị và nông dân; thường xuyên thông tin và giám sát tình hình thực hiện các chính sách trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn.
- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề, tham quan trao đổi kinh nghiệm với các hợp tác xã, tổ hợp tác điển hình trong và ngoài tỉnh để nâng cao hiểu biết về khoa học kỹ thuật, trang bị kiến thức làm kinh tế nông nghiệp, nông thôn.
- Thực hiện mô hình điểm, mô hình trình diễn, nhằm tạo sự lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng, nông dân có điều kiện học tập chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau và cùng nhau nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn huyện.

2. Giải pháp về thực hiện đúng quy hoạch

- Hỗ trợ, hướng dẫn, triển khai thực hiện kế hoạch trên tinh thần tự nguyện của người dân, lấy ý kiến về các vấn đề phát sinh liên quan đến kế hoạch; các xã, thị trấn thực hiện công khai kế hoạch, quy hoạch tại các trụ sở cơ quan, nhà văn hóa ấp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán để nông dân biết và tích cực tham gia.
- Hướng dẫn nông dân các thủ tục xin chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo đúng quy định pháp luật hiện hành; kiên quyết ngăn chặn, giáo dục

và xử lý triệt để các trường hợp chuyển đổi không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của địa phương.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ, khuyến nông

- Triển khai thí điểm các mô hình sản xuất có ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, đưa các giống mới, giống có năng suất cao, ổn định, đảm bảo chất lượng vào sản xuất.

- Tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn người sản xuất thực hiện đúng quy trình kỹ thuật để duy trì và nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm.

4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức sản xuất

- Thường xuyên phối hợp với các chuyên gia, các viện trường, trung tâm tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp cấp huyện, xã, cán bộ chủ chốt của các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán để phục vụ tốt cho công tác điều hành sản xuất; vận dụng có hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn để phát huy nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ hợp tác, hội quán đủ mạnh thành lập hợp tác xã gắn với các ngành hàng chủ lực, lợi thế của địa phương, phù hợp với nhu cầu của thành viên và được thành viên đồng tình hưởng ứng để đem lại lợi ích và lợi nhuận cho thành viên và hợp tác xã.

5. Giải pháp về xây dựng vùng chuyên canh quy mô lớn, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu đặc trưng

- Tăng cường công tác liên kết vùng ở các xã có điều kiện tương đồng với nhau, đặc biệt là liên kết giữa hợp tác xã với hợp tác xã để cung ứng đầy đủ tất cả các dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, nuôi trồng của các thành viên; liên kết đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm cùng có lợi thế, gắn với thị trường tiêu thụ, xây dựng cánh đồng lớn, đồng nhất về chất lượng, xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

- Phát huy sản phẩm đặc thù, mang giá trị bản sắc địa phương, tranh thủ lập hồ sơ xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm địa phương để khẳng định giá trị và vị thế các ngành hàng Tái cơ cấu chủ lực, đặc thù của huyện nhà.

- Hỗ trợ hình thành mã vùng trồng, thương hiệu sản phẩm có lợi thế. Tạo môi trường thuận lợi, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Thông tin, dự báo kịp thời những biến động của thị trường để điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp từng giai đoạn.

6. Giải pháp về quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại

- Chuẩn hóa các sản phẩm nông nghiệp từ các ngành hàng Tái cơ cấu thông qua Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tích cực tham gia các chương trình khởi nghiệp sáng tạo, chương trình sản phẩm nông nghiệp nông

thôn tiêu biểu; tăng cường kết nối, thu hút các nhà bán lẻ có uy tín trên thị trường đưa các sản phẩm vào hệ thống bán lẻ để đến tay người tiêu dùng.

- Tăng cường kết nối thông tin sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua các kênh mạng xã hội, các trang thông tin nông sản của tỉnh, huyện để nhiều người biết đến và dễ dàng tra cứu thông tin, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm đặc thù của địa phương.

7. Giải pháp cụ thể cho từng ngành hàng

7.1. Ngành hàng lúa gạo

- Xây dựng lịch thời vụ phù hợp với điều kiện thực tế nhằm né rầy, né sâu bệnh, né thời tiết bất lợi. Thực hiện giãn vụ, luân canh cây hoa màu tại các xã.

- Tổ chức thực hiện mô hình sản xuất lúa Nhật trình diễn gắn với nhà máy chế biến, tạo vùng nguyên liệu lớn, sản xuất theo quy trình của các công ty, doanh nghiệp, hướng đến liên kết ổn định, bền vững, theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hướng đến sản xuất lúa theo hướng VietGAP tại các vùng nguyên liệu.

- Tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất cho nông dân, đặc biệt chuyên giao cho các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn, hướng dẫn nông dân sản xuất theo hướng an toàn, theo hướng VietGAP, theo tiêu chuẩn SRP để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và chế biến của doanh nghiệp.

- Tiếp tục nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, an toàn cho người nông dân lẫn người tiêu dùng như “3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm”, mô hình giảm giá thành, mô hình phân bón thông minh, mô hình lúa cá kết hợp, mô hình lúa màu luân canh.

7.2. Ngành hàng sen

- Triển khai thực hiện quy hoạch vùng trồng sen chuyên canh tại khu du lịch Đồng Sen Gò Tháp một cách đồng bộ, hiệu quả, khuyến khích nông dân tham gia thực hiện mô hình lúa – sen luân canh; triển khai thực hiện Dự án phát triển ngành hàng sen gắn với sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh việc quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Sen Tháp Mười trong và ngoài nước. Tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án chế biến các sản phẩm từ sen. Chú trọng đến việc gia công, chế biến sạch gắn với xây dựng thương hiệu sen, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa nông dân trồng sen với cơ sở, doanh nghiệp chế biến để phân phối vào các kênh hệ thống bán lẻ trong và ngoài nước.

- Phối hợp các viện, trường xây dựng quy trình sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sen với quy mô công nghiệp và bán công nghiệp. Hỗ trợ công nghệ đóng gói, bảo quản, hỗ trợ chủ cơ sở đăng ký nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm chế biến từ sen.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh, con người, sản phẩm nông nghiệp và kết nối du lịch miệt vườn, tạo điểm đến của huyện, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Kết hợp khai thác

phát triển du lịch nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế – xã hội, đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, tăng hiệu quả kinh doanh và sức hấp dẫn của du lịch huyện. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành, lĩnh vực, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

7.3. Ngành hàng ếch

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống đàn ếch bố mẹ chất lượng tốt, năng suất cao, sức đề kháng mạnh để nâng cao tỷ lệ sống của đàn ếch thịt; tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao những kỹ thuật, tiến bộ mới về nuôi ếch giúp giảm giá thành sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm cho người nông dân.

- Tăng cường giám sát chặt chẽ việc xử lý nước trước khi đưa ra môi trường, hạn chế ô nhiễm, gây ảnh hưởng đến những vùng nuôi xung quanh.

- Cán bộ chuyên môn ngành huyện, xã thường xuyên thăm vùng nuôi, kịp thời hỗ trợ kỹ thuật cho bà con nông dân khi cần thiết. Chủ động tuyên truyền, hướng dẫn để người dân có lịch nuôi hợp lý, rải vụ, tránh tình trạng thu hoạch đồng loạt cung vượt cầu sẽ bị thương lái ép giá.

- Nghiên cứu, tham quan học tập kinh nghiệm mô hình nuôi ếch tại các địa phương khác, đặc biệt là các mô hình chăn nuôi theo chuỗi giá trị, từ chăn nuôi đến sơ chế, chế biến thành các sản phẩm đặc thù của địa phương.

7.4. Ngành hàng cá sặc rằn

- Theo dõi việc thực hiện quy hoạch vùng nuôi lúa cá kết hợp tại xã Láng Biền một cách chặt chẽ, kiên quyết xử lý các trường hợp đào ao ngoài vùng quy hoạch, cố tình vi phạm, thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các hộ nuôi thực hiện xử lý nước đúng quy định trước khi đưa ra môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm, gây ảnh hưởng đến những vùng nuôi xung quanh và các hộ sản xuất khác.

- Phối hợp với cơ quan ngành tỉnh có chức năng kiểm tra chất lượng cá bố mẹ, con giống, đảm bảo nguồn cá giống tốt cho người chăn nuôi.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh trên cá sặc rằn, hướng dẫn các hộ nuôi sử dụng các loại chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi.

- Hỗ trợ các hộ chăn nuôi, các cơ sở chế biến khô cá sặc rằn trên địa bàn chuẩn hóa sản phẩm đạt chất lượng tốt, mẫu mã bao bì thu hút, thường xuyên kiểm nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm.

7.5. Ngành hàng vịt

- Hướng dẫn kỹ thuật nuôi nhốt an toàn sinh học, xử lý môi trường. Cùng cố mạng lưới thú y cơ sở; đầu tư máy móc, thiết bị giám sát và theo dõi dịch bệnh tại địa phương. Đào tạo, tập huấn cho các hộ chăn nuôi, tổ hợp tác về chăn nuôi vịt theo quy trình, tránh dịch bệnh, phù hợp kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Tổ chức liên kết giữa các trang trại, tổ hợp tác và hộ chăn nuôi vịt với các doanh nghiệp chế biến thức ăn - cơ sở chế biến.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nông dân các phương pháp phối trộn thức ăn từ các phụ phẩm nông nghiệp sẵn có thành thức ăn có giá trị dinh dưỡng cao, phù hợp chăn nuôi vịt nhốt tại chỗ an toàn sinh học, nhằm giảm giá thành sản xuất cho nông dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về chất lượng thức ăn công nghiệp, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

7.6. Ngành hàng mít

- Hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa sang trồng mít đúng quy định của pháp luật và quy hoạch của địa phương. Tuyên truyền nông dân không nên chuyển đổi ồ ạt sẽ gây mất cân bằng cung cầu.

- Tuyên truyền nông dân thực hiện đăng ký mã vùng trồng để sẵn sàng phục vụ nhu cầu xuất khẩu, hỗ trợ nông dân thực hiện mô hình trồng mít theo hướng VietGAP để đáp ứng xuất khẩu ở các thị trường khó tính hơn.

- Phối hợp mời các chuyên gia về cây mít hướng dẫn nông dân kỹ thuật trồng và cách hạn chế khắc phục một số bệnh phổ biến trên mít hiện nay.

- Tăng cường kêu gọi, thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm từ mít để gia tăng giá trị cây mít và tạo ra vùng nguyên liệu ổn định cho nông dân trồng mít và mở rộng diện tích trồng trong thời gian tới.

7.7. Ngành hàng cây ăn trái

- Hướng dẫn nông dân xin chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa sang trồng cây ăn trái đúng quy định của pháp luật và quy hoạch của địa phương. Chú trọng phát triển các vùng sản xuất tập trung; theo dõi, đánh giá, lựa chọn các loại cây ăn trái phù hợp, hiệu quả cho từng vùng.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP, đẩy mạnh công tác ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ vào sản xuất cây ăn trái.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư, phát triển công nghiệp sơ chế, chế biến sản phẩm cây ăn trái; xây dựng kết cấu hạ tầng hệ thống thu mua, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ gắn với vùng sản xuất, dần dần nâng cao giá trị của sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển các sản phẩm các ngành hàng chủ lực; đánh giá hệ thống cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung, ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch thực hiện hàng năm. Thường xuyên theo dõi, giám sát và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm và từng giai đoạn, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện; đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

2. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện

- Tổ chức tập huấn cho người dân trong sản xuất nhất là các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tiếp tục kêu gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết tiêu thụ với nông dân.

- Tiếp tục hướng dẫn các tổ hợp tác chăn nuôi phát triển sản xuất và các thủ tục đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm thuộc ngành hàng Tái cơ cấu của huyện.

- Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện).

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện kêu gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, hỗ trợ nông dân trong việc ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với công ty, doanh nghiệp.

- Tăng cường hỗ trợ nông sản đặc thù của địa phương tham gia các cuộc thi, các cuộc hội chợ thương mại nhằm xúc tiến đầu tư và quảng bá sản phẩm, hỗ trợ các cơ sở chế biến nông sản đầu tư máy móc, thiết bị chế biến, dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo ra sản phẩm mới, hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các chủ thể.

- Tham gia kêu gọi Công ty, doanh nghiệp đầu tư vào vùng sản xuất tập trung gắn với vùng nguyên liệu lớn, tham mưu chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào các ngành hàng chủ lực.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

- Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa đúng quy định; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp tự ý chuyển đổi không đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý các trường hợp sản xuất gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến các vùng sản xuất xung quanh, gây hại đến sức khỏe, cuộc sống của người dân.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thể thao và truyền thanh

- Thường xuyên tuyên truyền Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, các mô hình sản xuất mới có hiệu quả, cách làm hay đến từng hộ dân, góp phần nâng cao nhận thức trong sản xuất.

- Tăng cường công tác quảng bá sản phẩm đặc thù, đặc sản của địa phương thông qua hệ thống báo đài, các trang mạng xã hội, đài truyền thanh huyện để nhiều người biết đến và tìm mua sử dụng; kiên quyết phản ánh trung thực về các nông sản của địa phương để bảo vệ quyền lợi của người sản xuất lẫn người tiêu dùng.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tuyên truyền sâu rộng trong đoàn viên, hội viên về nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Làm tốt công tác tuyên truyền cho Nhân dân tham gia học nghề, sản xuất theo hướng an toàn thực phẩm, giảm giá thành sản xuất, liên kết tiêu thụ. Tham gia giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp, nông thôn và các chính sách ở các xã, thị trấn.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tích cực tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn tham gia sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Nâng cao năng lực trong chỉ đạo, điều hành việc thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện về việc mời các công ty, doanh nghiệp tham gia đầu tư liên kết và tiêu thụ.

- Định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân huyện.

Trên đây là Kế hoạch quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2026 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

Nơi nhận:

- TT/HU, TT/HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- CT và các PCT/UBND huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- LĐVP/HĐND và UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC/NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Ngọt